CÔNG TY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH
GILIMEX
Tầng 1 Tòa nhà GILIMEX
24C Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh, Tp HCM
Điện thoại: 08 - 35108508 – Fax: 08 – 35510585
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc
****

Số: ..150...../CV – GIL

Tp. HCM, ngày 04 tháng 09 năm 2012

V/v: Giải trình báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số:.....
Giờ.....Ngày.....tháng.....năm.....

Kính gởi : - **Ủy Ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM**

Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh giải trình 1 số điểm kiểm toán ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2012 đã kiểm toán như sau:

1/ **Trường hợp số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất** : tài sản và nguồn vốn khi nhập vào phần mềm bị lệch 1 đồng, phần tài sản dài hạn số liệu thiếu vì những lý do sau:

- Do lỗi phần mềm kế toán cài đặt dấu thập phân và khi xuất ra tự làm tròn
- Do công thức bị chạy hàng nên phần tài sản dài hạn bị thiếu nhưng tổng số tài sản đúng

2/ Trường hợp lợi nhuận trước thuế trên bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không giống tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lý do sau:

- Do khi cài đặt đường link công thức từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sang lưu chuyển tiền tệ hợp nhất phần mềm kế toán đọc sai mã .

Trên đây là giải trình của Công ty Gilimex về báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2012. Sau khi phát hiện sự cố trên công ty đã tiến hành chỉnh lại phần mềm và đồng thời khắc phục số liệu trên.

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tuấn

Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

LÊ HÙNG

AASCS

A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK

GLOBAL PRESENCE - LOCAL EXCELLENCE

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM Tel: (84.8) 38205944 - 38205947 Fax: (84.8) 38205942
E-mail: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 6
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 - 13
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	14 - 14
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	15 - 16
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	17 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công Ty Cổ Phần Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 số 0302181666 ngày 16/02/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ.Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 133.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 30/06/2012 là 133.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 4 công ty.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 3 công ty.

Tổng số các công ty con không được hợp nhất: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- *Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ*

  + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định*

  + Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,83%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63,83%

Công ty con không được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ sở hữu 1.131.192 cổ phiếu của công ty với giá trị trên sổ sách là 12.753.638.000 VNĐ chiếm tỷ lệ góp vốn 65,19%.

+ Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

+ Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 41,61%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 65,19%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400117137 đăng ký lần đầu ngày 1/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2011 bởi Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Phú Yên. Công ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ sở hữu 342.350 cổ phiếu của công ty với giá trị theo sổ sách là 3.423.500.000 VNĐ chiếm tỷ lệ góp vốn 21%.

+ Địa chỉ: 235 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

+ Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 13,40%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 21%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 19.020.672.571 VND (Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2011, kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 33.101.346.721 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 là 44.335.632.355 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 là 66.561.048.169 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Văn Luân	Thành viên

Ông :	Đặng Vũ Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hồ Trung	Thành viên
Bà:	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hồ Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Võ Văn Hảo	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS
Ông :	Nguyễn Đình Quang Minh	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30/06/2012 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 31 tháng 7 năm 2012
Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Hùng

Tp.HCM, ngày 31 tháng 7 năm 2012
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

Lê Hùng

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947 - Fax: (08) 3.8205 942
Email: info@aascs.com.vn - Website: www.aascs.com.vn

Số : 520../2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2012
của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh

Kính gửi: **- Cổ đông Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh**
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** được lập ngày 31/07/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012 được trình bày từ trang 9 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh không thực hiện hợp nhất với Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế (công ty con) do quyền kiểm soát của Công ty mẹ chỉ là tạm thời vì Công ty con này chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng) .

Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh không thực hiện hợp nhất với Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên (công ty liên kết) do Công ty Gilimex chỉ nắm giữ với mục đích đầu tư, không có bất cứ sự kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể nào đối với các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 629.940 cổ phiếu với giá bình quân là 24.780 đồng/cổ phiếu, Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 603.110 cổ phiếu với đơn giá bình quân là 24.348 đồng/cổ phiếu và công ty Cổ Phần May Gia Dụng Gilimex-ppj (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.496.310 cổ phiếu với đơn giá bình quân là 35.456 đồng/cổ phiếu của Công Ty Cp Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ).Tuy nhiên, khi lập báo cáo hợp nhất cho 6 tháng đầu năm 2012, các bút toán điều chỉnh lại cho giao dịch này chưa được Công ty thực hiện điều chỉnh theo quy định về hợp nhất báo cáo tài chính (xem thuyết minh tại Mục 2 - "Các khoản đầu tư ngắn hạn").

Ngoại trừ vấn đề trên và các ảnh hưởng của chúng, trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa
Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**747.214.854.847**	**598.694.155.945**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**1**	**195.364.861.021**	**266.592.259.482**
1. Tiền	111		16.909.129.982	20.554.844.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		178.455.731.039	246.037.415.359
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**2**	**102.424.343.045**	**42.693.506.341**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		106.185.759.921	42.693.506.341
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(3.761.416.876)	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**139.760.202.788**	**134.557.142.272**
1. Phải thu khách hàng	131		90.241.909.753	89.800.446.221
2. Trả trước cho người bán	132		26.229.968.900	26.491.957.163
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	26.420.577.635	20.639.840.388
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3.132.253.500)	(2.375.101.500)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4**	**276.955.159.477**	**137.646.905.048**
1. Hàng tồn kho	141		276.955.159.477	137.646.905.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**32.710.288.516**	**17.204.342.802**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.923.942.118	6.232.453
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.758.896.425	12.673.373.465
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	1.160.752.226	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	4.866.697.747	4.524.736.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260+270)	**200**		**252.726.355.275**	**163.363.126.201**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	**220**		**188.883.899.448**	**127.861.221.789**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	141.801.124.313	94.268.322.969
- Nguyên giá	222		182.596.575.411	125.443.173.590
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(40.795.451.098)	(31.174.850.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	14.900.663.820	4.072.913.445
- Nguyên giá	228		14.926.658.464	4.072.913.445
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(25.994.644)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	32.182.111.315	29.519.985.375
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**10**	**26.198.716.152**	**13.917.139.595**
1. Đầu tư vào công ty con	251	10.1	12.753.638.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.2	-	9.195.561.443
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10.3	13.445.078.152	4.721.578.152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	
V. Lợi thế thương mại	**260**		**13.288.139.408**	
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**24.355.600.267**	**21.584.764.817**
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	11	24.332.850.267	21.093.988.070
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	490.776.747
3. Tài sản dài hạn khác	278		22.750.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**999.941.210.122**	**762.057.282.146**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**589.407.257.524**	**431.891.701.699**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**548.515.630.846**	**420.896.978.270**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	422.867.361.260	314.960.070.407
2. Phải trả người bán	312		79.905.786.249	61.092.754.425
3. Người mua trả tiền trước	313		1.219.646.023	1.332.444.395
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	10.947.377.961	9.000.965.634
5. Phải trả công nhân viên	315		19.776.758.625	29.338.307.770
6. Chi phí phải trả	316	14	3.599.092.901	664.945.539
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	10.153.761.014	4.461.643.287
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	17.5	45.846.813	45.846.813
II. Nợ dài hạn	**330**		**40.891.626.678**	**10.994.723.429**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		8.590.697.813	8.129.355.164
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	26.463.799.944	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.228.881.414	1.228.881.414
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.308.527.507	1.636.486.851
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.299.720.000	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	**400**	**17**	**377.082.735.748**	**330.165.580.448**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**377.082.735.748**	**330.165.580.448**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		133.245.880.000	127.745.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		171.907.714.793	158.751.430.047
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(30.120.215.254)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(10.737.816.963)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.483.599.600	22.483.599.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.109.909.000	5.109.909.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.335.632.355	56.932.794.018
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	**440**		**33.451.216.850**	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400+440)	**450**		**999.941.210.122**	**762.057.282.146**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		711.471,10	942.875,00
- EUR		4,87	4,97
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**18.1**	**428.318.657.608**	**292.228.950.827**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**428.318.657.608**	**292.228.950.827**
4. Giá vốn hàng bán	**19**	356.636.205.999	226.973.336.007
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**71.682.451.609**	**65.255.614.820**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**18.2**	25.210.378.427	22.989.309.686
7. Chi phí tài chính	**20**	21.835.945.482	10.103.112.822
+ Trong đó: chi phí lãi vay		*16.048.149.557*	*4.346.885.399*
8. Chi phí bán hàng		9.777.020.607	8.238.806.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		39.833.786.420	26.340.372.355
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		**25.446.077.527**	**43.562.633.086**
11. Thu nhập khác	**18.3**	777.831.728	831.665.021
12. Chi phí khác	**21**	520.750.116	137.738.075
13. Lợi nhuận khác		**257.081.612**	**693.926.946**
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		**25.703.159.139**	**44.256.560.032**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**22**	**7.976.921.288**	**11.155.213.311**
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		**17.726.237.851**	**33.101.346.721**
Lợi ích của cổ đông thiểu số		(1.294.434.720)	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		**19.020.672.571**	**33.101.346.721**
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		**1.444**	**2.703**

Lập, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		**25.703.159.139**	**44.256.560.032**
2. Điều chỉnh cho các khoản		***19.329.267.790***	***(9.634.127.668)***
- Khấu hao tài sản cố định		8.984.132.445	3.950.094.431
- Các khoản dự phòng		2.222.951.390	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		6.605.475	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.148.252.178)	(17.931.107.498)
- Chi phí lãi vay		15.263.830.658	4.346.885.399
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		***45.032.426.929***	***34.622.432.364***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(45.195.386.916)	(7.142.182.424)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(130.872.243.526)	(27.239.641.937)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		130.662.687.413	(20.589.097.722)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.235.744.013)	(499.259.973)
- Tiền lãi vay đã trả		(11.502.605.288)	(4.346.885.399)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.087.474.289)	(10.984.707.652)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.058.523.834	7.658.370.194
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.372.701.807)	(7.305.762.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		***(23.512.517.663)***	***(35.826.734.671)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(24.829.905.761)	(8.758.356.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		9.568.026.446	829.506.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(255.296.815.000)	(315.773.721.843)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		194.800.000.000	510.696.583.843
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(117.939.351.274)	(12.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.589.470.469	16.172.040.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		***(190.108.575.120)***	***191.166.051.930***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		62.319.623.339	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(22.585.295.791)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		471.534.391.781	270.620.686.879
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(367.388.326.298)	(190.704.785.675)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.071.994.500)	(15.482.944.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		***142.393.694.322***	***41.847.661.010***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		**(71.227.398.461)**	**197.186.978.269**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		**266.592.259.482**	**32.883.826.582**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		**195.364.861.021**	**230.070.804.851**

Lập, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và thay đổi lần thứ mười ba theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302181666 ngày 16/2/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp của Công ty đến ngày 30/06/2012 là 133.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 4 công ty con.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 3 công ty.

Tổng số các công ty con không được hợp nhất: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- *Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ*

  + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định*

  + Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ*

  + Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,83%

  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63,83%

Công ty con không được hợp nhất:

- *Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ sở hữu 1.131.192 cổ phiếu của công ty với giá trị trên sổ sách là 12.753.638.000 VNĐ chiếm tỷ lệ góp vốn 65,19%.

+ Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

+ Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 41,61%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 65,19%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- *Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên*

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400117137 đăng ký lần đầu ngày 1/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2011 bởi Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Phú Yên. Công ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ sở hữu 342.350 cổ phiếu của công ty với giá trị theo sổ sách là 3.423.500.000 VNĐ chiếm tỷ lệ góp vốn 21%.

+ Địa chỉ: 235 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

+ Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 13,40%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 21%

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ.Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính (Xử lý theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002 QD-BTC ngày 31/12/2002).

3.2.Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 08 "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh".

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quĩ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
Tiền mặt	**351.502.456**	**132.903.851**
Tiền gửi ngân hàng	**16.713.358.565**	**22.959.355.631**
Tiền gửi VND	*1.047.411.919*	*3.321.028.014*
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	*15.665.946.646*	*19.638.327.617*
Các khoản tương đương tiền *(tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)*	**178.300.000.000**	**243.500.000.000**
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	*10.200.000.000*	*35.500.000.000*
Ngân hàng TMCP Quân Đội	*152.100.000.000*	*187.000.000.000*
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Gia Định	*16.000.000.000*	*21.000.000.000*
Tổng cộng	**195.364.861.021**	**266.592.259.482**

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế

- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 30/06/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012 VND		*01/01/2012 VND*		
	Số lượng	*Giá trị*	*Số lượng*	*Giá trị*	Lý do Tăng/giảm
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		***106.185.759.921***		***42.693.506.341***	
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		-		-	
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)		106.185.759.921		42.693.506.341	
Trong đó:					
Công ty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An (TAH,	*50.000*	*2.250.000.000*	*50.000*	*2.250.000.000*	
Công Ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An (LAF,	*1.109.890*	*15.656.370.136*	*672.910*	*9.942.885.900*	*mua trong kỳ*
Công Ty CP KVGN Ngoại Thương TP.HCM			*10.000*	*206.309.000*	*bán trong kỳ*
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh - GILIMEX	*2.729.360*	*83.347.285.845*	*1.233.050*	*30.294.311.441*	*mua trong kỳ*
Công ty CP Bóng đèn Phích Nước Rạng Đông (RAL)	*136.950*	*4.931.813.940*	*-*	*-*	*mua trong kỳ*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	*132*	*290.000*			
2.2 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		***(3.761.416.876)***		*-*	
Trong đó:					
Công Ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An (LAF)		*(3.225.697.936)*		*-*	
Công ty CP Bóng đèn Phích Nước Rạng Đông (RAL)		*(535.718.940)*		*-*	
Tổng cộng		**102.424.343.045**		**42.693.506.341**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Ghi chú:

Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 629.940 cổ phiếu với giá bình quân là 24.780 đồng/cổ phiếu, Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 603.110 cổ phiếu với đơn giá bình quân là 24.348 đồng/cổ phiếu và công ty Cổ Phần May Gia Dụng Gilimex-ppj (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.496.310 cổ phiếu với đơn giá bình quân là 35.456 đồng/cổ phiếu của Công Ty Cp Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ).

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
	26.420.577.635	**20.639.840.388**
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	26.420.577.635	20.639.840.388
Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 30/06/2012 là:		
Ngân hàng TMCP Quân Đội	*2.136.246.575*	
Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế (Unimex)	*17.528.207.000*	
Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	*80.714.954*	
Công ty CP Chứng khoán Thăng Long	*323.763.534*	
Thuế GTGT hàng nhập chờ kê khai	*586.214.563*	
Chi cục Hải Quan Quản lý hàng gia công	*176.449.934*	
Các đối tượng khác	*5.588.981.075*	
Tổng cộng	***26.420.577.635***	

4. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	116.138.827.595	78.823.324.630
- Công cụ, dụng cụ	4.106.585.513	1.472.696.168
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.993.407.217	28.879.389.507
- Thành phẩm	99.326.576.498	26.191.584.244
- Hàng hoá	331.296.149	2.221.443.994
- Hàng gửi đi bán	58.466.505	58.466.505
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	**276.955.159.477**	**137.646.905.048**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	**146.316.998**	
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	1.014.435.228	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu		
+ Thuế đất	*1.014.435.228*	
Tổng cộng	**1.160.752.226**	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
- Tài sản thiếu chờ xử lý	3.143.835.879	3.143.835.879
- Tạm ứng	615.780.021	1.293.474.234
- Ký quỹ, ký cược	1.107.081.847	87.426.771
Tổng cộng	**4.866.697.747**	**4.524.736.884**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	**84.659.264.149**	**28.059.798.273**	**10.200.593.243**	**2.523.517.925**		**125.443.173.590**
2. Số tăng trong kỳ	**28.053.476.551**	**37.166.579.368**	**484.726.090**	**976.408.169**	**40.238.089**	**66.721.428.267**
Bao gồm:						
- Mua trong kỳ	-	20.855.616.294	-	545.555.321		21.401.171.615
- Đầu tư XDCN hoàn thành	1.878.955.631	-	-	-		1.878.955.631
- Tăng khác	26.174.520.920	16.310.963.074	484.726.090	430.852.848	40.238.089	**43.441.301.021**
3. Số giảm trong kỳ	**-**	**9.211.403.949**	**333.086.133**	**23.536.364**	**-**	**9.568.026.446**
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán		9.211.403.949	333.086.133	23.536.364		**9.568.026.446**
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	**112.712.740.700**	**56.014.973.692**	**10.352.233.200**	**3.476.389.730**	**40.238.089**	**182.596.575.411**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**17.112.883.288**	**9.751.339.255**	**2.901.716.008**	**1.408.912.070**		**31.174.850.621**
2. Khấu hao trong kỳ	**4.830.221.197**	**5.302.034.739**	**815.035.105**	**328.736.461**	**11.834.732**	**11.287.862.234**
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong kỳ	4.830.221.197	5.302.034.739	815.035.105	328.736.461	11.834.732	11.287.862.234
- Tăng khác	-	-	-	-		-
3. Giảm trong kỳ	**-**	**1.490.920.827**	**175.707.382**	**633.548**	**-**	**1.667.261.757**
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán		1.490.920.827	175.707.382	633.548		1.667.261.757
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	**21.943.104.485**	**13.562.453.167**	**3.541.043.731**	**1.737.014.983**	**11.834.732**	**40.795.451.098**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	**67.546.380.861**	**18.308.459.018**	**7.298.877.235**	**1.114.605.855**	**-**	**94.268.322.969**
2. Tại ngày cuối kỳ	**90.769.636.215**	**42.452.520.525**	**6.811.189.469**	**1.739.374.747**	**28.403.357**	**141.801.124.313**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	**4.072.913.445**					**4.072.913.445**
2. Số tăng trong kỳ	**10.688.345.019**	-	-	**165.400.000**	-	**10.853.745.019**
Bao gồm:						
- Mua trong kỳ						-
- Tăng khác	10.688.345.019			165.400.000		10.853.745.019
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-					-
- Giảm khác (điều chỉnh lại)						-
4. Số dư cuối kỳ	**14.761.258.464**	-	-	**165.400.000**	-	**14.926.658.464**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	-					-
2. Khấu hao trong kỳ	**6.829.642**	-	-	**19.165.002**	-	**25.994.644**
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong kỳ	6.829.642			19.165.002		25.994.644
- Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác (điều chỉnh lại)	-					-
4. Số dư cuối kỳ	**6.829.642**	-	-	**19.165.002**	-	**25.994.644**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
1. Tại ngày đầu năm	**4.072.913.445**	-	-	-	-	**4.072.913.445**
2. Tại ngày cuối kỳ	**14.754.428.822**	-	-	**146.234.998**	-	**14.900.663.820**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
- Chi phí XDCB dở dang	32.182.111.315	29.519.985.375
Trong đó: những công trình, hạng mục lớn		
+ Công trình cao ốc văn phòng công ty	*225.886.436*	*225.886.436*
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	*950.739.000*	*950.739.000*
+ Công trình Phú Mỹ	*28.343.359.939*	*28.343.359.939*
+ Công trình nhà máy Quảng Trị	*2.662.125.940*	
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	**32.182.111.315**	**29.519.985.375**

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

10.1. Đầu tư vào công ty con

	Số lượng cổ phiếu	*30/06/2012 VND*	*01/01/2012 VND*
Công Ty CP XNK & DT Thừa Thiên Huế (tỷ lệ góp vốn 41,71%)	1.131.192	*12.753.638.000*	
Tổng cộng		**12.753.638.000**	

10.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (tỷ lệ góp vốn 23,53%)		9.195.561.443
Tổng cộng	*-*	***9.195.561.443***

Ghi chú:

Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - Gilimex chuyển tiền góp vốn vào Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ số tiền là 56.819.623.339 đồng, nâng tỷ lệ góp vốn lên thành 63,83% tại ngày 30/06/2012.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

10.3. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-
2. Đầu tư trái phiếu	-	-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
4. Cho vay dài hạn	-	-
5. Đầu tư dài hạn khác:	13.445.078.152	4.721.578.152
Trong đó:		
- DA Phường 28, quận B.Thạnh, TP HCM	*4.721.578.152*	*4.721.578.152*
- Công ty CP Dệt May 29/3	*5.280.000.000*	
- Công ty Chứng khoán	*20.000.000*	
- Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Phú Yên	*3.423.500.000*	
Tổng cộng	**13.445.078.152**	**4.721.578.152**

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
- Chi phí thuê đất	13.585.528.950	-
- Chi phí bảo hiểm	552.750.000	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai		15.511.399.723
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	6.182.209.402	3.849.693.813
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	4.012.361.915	1.732.894.534
Tổng cộng	**24.332.850.267**	**21.093.988.070**

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012 VND	*01/01/2012 VND*
12.1. Vay ngắn hạn	***422.867.361.260***	***314.960.070.407***
- Vay ngân hàng	422.867.361.260	314.960.070.407
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định (# 7.322.184,43	*146.835.980.100*	*66.046.134.943*
Ngân hàng HSBC (# 3.239.746,59 USD)	*67.146.361.868*	*66.465.952.859*
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn (#9.214.581,99 USL	*188.965.773.748*	*150.795.773.271*
Ngân hàng ANZ (# 956.712,69 USD)	*19.919.245.544*	*31.652.209.334*
- Vay đối tượng khác	-	-
12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	**422.867.361.260**	**314.960.070.407**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
13.1. Thuế phải nộp nhà nước	**10.947.377.961**	**9.000.965.634**
- Thuế GTGT	47.354.021	
- Thuế TTĐB		-
- Thuế xuất, nhập khẩu		-
- Thuế TNDN	10.721.307.012	8.820.986.732
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất		-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	178.716.928	179.978.902
+ Thuế thu nhập cá nhân	*174.529.643*	*175.791.617*
+ Các loại thuế khác	*4.187.285*	*4.187.285*
13.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	**10.947.377.961**	**9.000.965.634**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
- Trích trước đồng phục công nhân		-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.522.197.303	-
- Lãi vay phải trả	1.052.895.598	664.945.539
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Trích trước chi phí tiền thuê thuê đất		
- Trích trước chi phí thi công		
- Trích trước chi phí khác	24.000.000	
Tổng cộng	**3.599.092.901**	**664.945.539**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
- Tài sản thừa chờ xử lý	899.613.523	899.613.523
- BHXH, BHYT, BHTN	2.157.728.856	622.040.945
- KPCĐ	1.386.124.704	867.561.847
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.710.293.931	2.072.426.972
Tổng cộng	**10.153.761.014**	**4.461.643.287**

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 30/06/2012 là:

+ Công ty CP Phong Phú	*2.481.272.386*
+ Đồng phục công nhân, nhân viên văn phòng	*1.644.000.000*
+ Trợ cấp nhà trọ, con nhỏ tiền ăn CNV	*610.229.592*
+ Tiền thuê đất Hoà Khánh	*400.084.000*
+ Trợ cấp thôi việc	*30.675.488*
+ Ngân hàng HSBC	*81.203.711*
+ Thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu	*154.301.000*
+ Các đối tượng khác	*308.527.754*
Tổng cộng	***5.710.293.931***

16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
16.1. Vay dài hạn	***26.463.799.944***	-
- Vay ngân hàng		
- Vay đối tượng khác (*)	26.463.799.944	
- Trái phiếu phát hành		
16.2. Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Tổng cộng	**26.463.799.944**	-

Ghi chú *: (*) là khoản tiền phải trả có tính lãi cho Công ty CP Quốc tế Phong Phú góp vốn đầu tư vào Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ đang trong giai đoạn thỏa thuận, hoàn chỉnh thủ tục pháp lý.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	**127.745.880.000**	**158.751.430.047**	**(30.120.215.254)**	**22.483.599.600**	**5.109.909.000**	**56.932.794.018**
- Tăng trong kỳ	**5.500.000.000**	**13.156.284.746**	**-**	**-**	**-**	**19.020.672.571**
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	5.500.000.000	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	19.020.672.571
- Tăng do phát hành CP từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (bán cổ phiếu quỹ)	-	13.156.284.746	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**(30.120.215.254)**	**-**	**-**	**31.617.834.234**
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-		-	-	-
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
- Giảm do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	***24.071.994.500***
- Giảm khác	-	-	**(30.120.215.254)**	-	-	***7.545.839.734***
- Số dư cuối kỳ	**133.245.880.000**	**171.907.714.793**	**-**	**22.483.599.600**	**5.109.909.000**	**44.335.632.355**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	3.493.060.000	2,62%	3.493.060.000	2,73%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	129.752.820.000	97,38%	124.252.820.000	97,27%
Tổng cộng	**133.245.880.000**	**100%**	**127.745.880.000**	**100%**
* Thặng dư vốn cổ phần	171.907.714.793		158.751.430.047	
* Cổ phiếu quỹ	-	-	(30.120.215.254)	1.250.000 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2012 *VND*	*6 tháng đầu năm 2011* *VND*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**133.245.880.000**	**127.745.880.000**
+ Vốn góp đầu năm	127.745.880.000	127.745.880.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	5.500.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	133.245.880.000	127.745.880.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	24.071.994.500	15.400.944.403

17.4. Cổ phiếu

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.324.588	12.774.588
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.324.588	12.774.588
+ Cổ phiếu thường	*13.324.588*	*12.774.588*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	1.250.000
+ Cổ phiếu thường	-	*1.250.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	13.324.588	11.524.588
+ Cổ phiếu thường	*13.324.588*	*11.524.588*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

17.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2012 *VND*	*01/01/2012* *VND*
- Quỹ đầu tư phát triển	22.483.599.600	22.483.599.600
- Quỹ dự phòng tài chính	5.109.909.000	5.109.909.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.846.813	45.846.813

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

17.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

17.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

17.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

17.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

18. DOANH THU

Chỉ tiêu	*6 tháng đầu năm 2012 VND*	*6 tháng đầu năm 2011 VND*
18.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	***428.318.657.608***	***292.228.950.827***
Doanh thu bán hàng	410.238.447.200	280.562.972.163
+ Doanh thu bán hàng gia dụng	*373.397.350.809*	*280.562.972.163*
+ Doanh thu bán hàng may mặc	*36.841.096.391*	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.080.210.408	11.665.978.664
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	*18.080.210.408*	*11.665.978.664*
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	***428.318.657.608***	***292.228.950.827***
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng gia dụng	373.397.350.809	280.562.972.163
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng may mặc	36.841.096.391	11.665.978.664
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	18.080.210.408	
18.2. Doanh thu hoạt động tài chính	**25.210.378.427**	**22.989.309.686**
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.611.533.193	16.176.716.988
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.673.378.756	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.925.466.478	6.812.592.698
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
18.3. Thu nhập khác	**777.831.728**	**831.665.021**
- Thu tiền điện nước nhà ăn	19.429.804	
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	708.877.273	
- Thu từ bồi thường	1.260.300	26.258.931
- Thu từ bán phế liệu, hồ sơ mời thầu	16.222.476	
- Khác	32.041.875	805.406.090

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2012 VND	*6 tháng đầu năm 2011 VND*
- Giá vốn của thành phẩm may gia dụng	321.535.626.104	226.973.336.007
- Giá vốn của thành phẩm may mặc	30.479.133.003	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.621.446.892	-
Tổng cộng	**356.636.205.999**	**226.973.336.007**

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2012 VND	*6 tháng đầu năm 2011 VND*
- Chi phí lãi vay	16.048.149.557	4.346.885.399
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.026.379.049	5.756.227.423
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	3.761.416.876	-
Tổng cộng	**21.835.945.482**	**10.103.112.822**

21 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2012 VND	*6 tháng đầu năm 2011 VND*
- Chi nộp phạt	14.121.942	
- Chi hàng hoá bị tổn thất	54.912.374	
- Chi phí khác	451.715.800	137.738.075
Tổng cộng	**520.750.116**	**137.738.075**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2012 VND	*6 tháng đầu năm 2011 VND*
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.976.921.288	11.155.213.311
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	**7.976.921.288**	**11.155.213.311**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	*6 tháng đầu năm 2012 VND*	*6 tháng đầu năm 2011 VND*
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.784.088.415	185.838.822.638
2. Chi phí nhân công	66.787.271.766	41.937.454.691
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	7.275.526.189	3.950.094.431
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.254.604.761	143.655.105
5. Chi phí khác bằng tiền	12.746.053.219	2.338.894.420
Tổng cộng	**375.847.544.350**	**234.208.921.285**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin bổ sung

Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 629.940 cổ phiếu với giá bình quân là 24.780 đồng/cổ phiếu, Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 603.110 cổ phiếu với đơn giá bình quân là 24.348 đồng/cổ phiếu và công ty Cổ Phần May Gia Dụng Gilimex-ppj (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.496.310 cổ phiếu với đơn giá bình quân là 35.456 đồng/cổ phiếu của Công Ty Cp Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ).

Thông tin về các bên liên quan

Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc	Chức vụ	Thu nhập từ lương, thưởng	Thu nhập khác (thù lao HĐQT,BKS…)	Tổng thu nhập 06 tháng đầu năm 2012
Lê Hùng	Tổng Giám Đốc	1.890.000.000	43.200.000	1.933.200.000
Nguyễn Hồ Trung	Phó TGĐ	280.800.000	32.400.000	313.200.000

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX) S.Đ.K.K.D: 0302161666-C.T.C.P Q. BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH